TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25-5-2021
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Văn Bằng
2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2020/TB-TLVA ngày 03 tháng 12 năm 2020 về "tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Chị Lê Thị Cẩm T**, sinh năm 1988
Địa chỉ: ấp A, xã THTh, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: **Anh Ngô Tấn Tr**, sinh năm 1984
Địa chỉ: ấp A, xã THTh, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.
(chị T có mặt, anh Tr vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 23 tháng 11 năm 2020, nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Tấn Tr tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã THTh, huyện TP, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống thường phát sinh mâu thuẫn do anh Tr thường xuyên cờ bạc, say xỉn, về nhà kiếm chuyện gây cãi với chị, không chăm lo cho gia

đình. Chị đã nhiều lần nhẫn nhịn khuyên nhủ mong anh Tr sửa đổi nhưng anh Tr không thay đổi. Đến năm 2019, anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột chị sống và sống ly thân với anh Tr từ tháng 10/2020 cho đến nay. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Chị và anh Tr chung sống có 02 con chung là Ngô Trà M, sinh ngày 15/4/2009 và Ngô Quốc A sinh ngày 13/8/2017. Hiện chị đang nuôi cháu A, anh Tr đang nuôi cháu M. Chị yêu cầu được nuôi cháu A, giao cháu M cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản tự khai ngày 23 tháng 12 năm 2020, bị đơn anh Ngô Tấn Tr trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T chung sống từ năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã THTh, huyện TP, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống cũng có phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng thời gian sau này không có mâu thuẫn nữa. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn thì anh không đồng ý vì anh còn thương vợ thương con. Chị T đã về nhà cha mẹ chị T ở và sau đó ở nhà trọ khoảng từ tháng 11 năm 2020 đến nay nguyên nhân theo anh là do chị T có quan hệ tình cảm với người khác.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị T trình bày. Nay, nếu ly hôn, anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, để chị T nuôi cháu A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Ngô Tấn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Lê Thị Cẩm T và anh Ngô Tấn Tr tự nguyện chung sống vào năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã THTh, huyện TP, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 19/9/2008. Như vậy, chị T và anh Tr có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ các Điều 9 và 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Cẩm T và anh Ngô Tấn Tr là hợp pháp.

[2.1.2] Chị T yêu cầu ly hôn với anh Tr vì cho rằng vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Anh Tr thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian sống ly thân và mâu thuẫn của vợ chồng trong thời gian đầu chung sống nhưng anh Tr cho rằng sau này anh và chị T không còn mâu thuẫn nữa, anh nghi ngờ việc vợ chồng sống ly thân là do chị T có quan hệ tình cảm với người khác và anh Tr không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con. Xét thấy, chị T và anh Tr trình bày thống nhất với nhau là anh chị đã có phát sinh nhiều mâu thuẫn trong quá trình sống chung và đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Anh Tr không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con nhưng trong thời gian sống ly thân anh Tr không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ và mặc dù anh Tr đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh Tr cũng không đến để tham gia hòa giải đoàn tụ. Như vậy, chị T và anh Tr đã không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, thời gian sống ly thân đã lâu. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị Cẩm T và anh Ngô Tấn Tr chung sống có 02 con chung tên Ngô Trà M, sinh ngày 15/4/2009 và Ngô Quốc A sinh ngày 13/8/2017. Hiện anh Tr đang nuôi dưỡng cháu M, chị T nuôi dưỡng cháu A. Chị T và anh Tr thống nhất để anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trong thời gian chị T và anh Tr sống ly thân, anh Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo về mọi mặt cho cháu M, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo về mọi mặt cho cháu A. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt, học tập và sự phát triển bình thường của cháu M và cháu A và có xét đến nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha của cháu M, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Như nhận định trên, chị T và anh Tr là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung có đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu cấp

dưỡng nuôi con, cả hai cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận chị T, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Tr thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự không đặt ra xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Lê Thị Cẩm T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Cẩm T được ly hôn với anh Ngô Tấn Tr.
- Về con chung: Giao con chung tên Ngô Trà M sinh ngày 15/4/2009 cho anh Ngô Tấn Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Ngô Quốc A sinh ngày 13/8/2017 cho chị Lê Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị Cẩm T, anh Ngô Tấn Tr không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Lê Thị Cẩm T, anh Ngô Tấn Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.
- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Cẩm T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Lê Thị Cẩm T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 20790 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. TP - TG;
- THADS h.TP - TG;
- UBND x. THTh – TP – TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huỳnh Trúc